

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt bổ sung diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2023  
lưu vực thủy điện Tầm Phục, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 10/TTr-QBV&PTR-BĐH ngày 08/8/2023 (kèm theo Báo cáo số 312/BC-QBV&PTR-BĐH ngày 08/8/2023 về kết quả triển khai xác định bổ sung diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2023, lưu vực thủy điện Tầm Phục, huyện Nông Sơn).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2023 và giao trách nhiệm cho UBND xã Phước Ninh, huyện Nông Sơn thực hiện quản lý rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật; với tổng diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng: **858,17** ha (rừng tự nhiên); diện tích quy đổi: **701,25** ha; chi tiết cụ thể như sau:

TT	Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi hệ số K (ha)	Ghi chú
1	Phước Ninh	433	1	1	137,13	111,39	
2	Phước Ninh	433	2	1	110,80	90,00	
3	Phước Ninh	433	3	2	114,91	93,34	
4	Phước Ninh	433	7	1	0,76	0,58	
5	Phước Ninh	433	7	3	2,67	2,05	
6	Phước Ninh	433	7	4	0,47	0,36	
7	Phước Ninh	433	7	5	1,14	0,88	
8	Phước Ninh	433	7	8	44,05	33,90	
9	Phước Ninh	433	7	9	0,77	0,59	
10	Phước Ninh	433	7	13	1,15	0,88	
11	Phước Ninh	433	7	14	1,24	0,95	
12	Phước Ninh	433	7	16	0,99	0,76	
13	Phước Ninh	433	7	17	2,53	1,95	

14	Phước Ninh	434	1	1	174,50	141,75	
15	Phước Ninh	434	1	2	80,38	68,72	
16	Phước Ninh	434	2	1	61,61	52,68	
17	Phước Ninh	434	2	2	1,29	0,99	
18	Phước Ninh	434	2	3	3,20	2,60	
19	Phước Ninh	434	3	3	0,56	0,45	
20	Phước Ninh	434	3	4	0,62	0,45	
21	Phước Ninh	434	3	6	4,17	3,39	
22	Phước Ninh	434	3	7	0,95	0,77	
23	Phước Ninh	434	3	9	5,89	4,53	
24	Phước Ninh	434	3	10	39,23	33,54	
25	Phước Ninh	434	3	11	0,55	0,42	
26	Phước Ninh	434	3	14	1,32	1,02	
27	Phước Ninh	434	3	15	2,38	1,83	
28	Phước Ninh	434	3	17	3,32	2,55	
29	Phước Ninh	434	3	19	0,50	0,36	
30	Phước Ninh	434	3	21	3,50	2,69	
31	Phước Ninh	434	3	22	2,25	1,73	
32	Phước Ninh	434	3	25	0,57	0,44	
33	Phước Ninh	434	3	26	1,19	0,92	
34	Phước Ninh	434	3	28	48,87	39,70	
35	Phước Ninh	434	3	29	2,71	2,09	
					<b>858,17</b>	<b>701,25</b>	

**Điều 2.** Giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi, hướng dẫn UBND xã Phước Ninh xây dựng phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng hằng năm và thực hiện các thủ tục liên quan khác theo quy định để tiến hành chi trả đối với diện tích nêu trên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Nông Sơn, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**